

1. Trương Hữu Quốc - Tổng Cục trưởng Tổng cục Cảnh sát nhân dân.

2. Trịnh Ngọc Huyền - Phó Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. - Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các ông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN VĂN DŨNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**XÂY DỰNG - KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ -
TÀI CHÍNH**

THÔNG TƯ liên Bộ số 7-TTLB ngày 25-11-1997 sửa đổi việc hướng dẫn ủy quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán của Thông tư liên Bộ số 4-TTLB hướng dẫn thực hiện Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996.

Để phù hợp với nội dung quy định của Nghị định số 42-CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 92-CP ngày 23-8-1997 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo

Nghị định số 42-CP, liên Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn hủy bỏ nội dung: "Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể ủy quyền cho Giám đốc Sở quản lý xây dựng chuyên ngành phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán các công trình của dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của các tỉnh, thành phố" quy định tại điểm d, Khoản 4, mục IV của Thông tư liên Bộ số 4-TTLB ngày 16-7-1996 hướng dẫn thi hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 42-CP của Chính phủ.

Bộ trưởng Bộ Tài chính
NGUYỄN SINH HÙNG

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
TRẦN XUÂN GIÀ

Bộ trưởng Bộ Xây dựng
NGUYỄN MẠNH KIỂM

**THƯƠNG MẠI - KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ -
CÔNG NGHIỆP**

THÔNG TƯ liên tịch số 10/1997/TTLT-BTM-BKHĐT-BCN ngày 6-12-1997 quy định việc quản lý và sử dụng hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu vào EU, Canada, Na uy và Thổ Nhĩ Kỳ năm 1998.

Căn cứ nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao;

Căn cứ Hiệp định buôn bán hàng dệt may với EU 1998 - 2000, ký tắt ngày 17 tháng 11 năm 1997 và các Hiệp định hiện hành với Canada, Na uy và Thổ Nhĩ Kỳ, Bộ Thương mại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công nghiệp quy định về quản lý nhà nước đối với việc sử dụng hạn ngạch hàng dệt may như sau:

096666106

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Việc giao quyền sử dụng hạn ngạch được tiến hành theo nguyên tắc công khai, công bằng, không phân biệt đối xử và có xem xét, chiếu cố đến các vùng kinh tế khó khăn.

2. Đối tượng được giao quyền sử dụng hạn ngạch là các doanh nghiệp có năng lực sản xuất, có giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu ngành hàng dệt may hoặc giấy phép đầu tư ngành hàng dệt may (theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam).

3. Căn cứ để giao quyền sử dụng hạn ngạch là số lượng thực hiện năm trước của doanh nghiệp. Số lượng thực hiện được tính, căn cứ vào số lượng giao chính thức, không tính phần bổ sung, điều chỉnh do yêu cầu đột xuất của doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp đăng ký sử dụng hạn ngạch lần đầu và đầu tư mới để mở rộng sản xuất, chỉ xem xét giải quyết trên cơ sở năng lực thực tế và phần hạn ngạch được tăng.

Khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng không quản lý hạn ngạch và xuất khẩu vào thị trường không hạn ngạch.

4. Dành 30% tổng hạn ngạch từng chủng loại hàng (cat.) để ưu tiên ký hợp đồng với khách hàng là nhà công nghiệp châu Âu, do Ủy ban châu Âu giới thiệu. Việc ưu tiên này được xem xét đối với các hợp đồng ký chậm nhất là ngày 30 tháng 4 năm 1998. Các doanh nghiệp được giao quyền sử dụng hạn ngạch phải đảm bảo tỷ lệ nêu trên trong số hạn ngạch được giao, trừ các doanh nghiệp được giao số lượng nhỏ: dưới 20.000 sản phẩm đối với các chủng loại (cat.): 4, 8, 21, 28, 31; dưới 10.000 sản phẩm đối với các chủng loại (cat.): 5, 6, 7; 26, 29; dưới 5.000 sản phẩm đối với các chủng loại (cat.): 14, 73; dưới 3.000 đối với cat. 15 và dưới 3 tấn đối với các chủng loại (cat.): 68, 78, 83 và 161. Các doanh nghiệp không được tự động chuyển đổi từ hạn ngạch công nghiệp sang hạn ngạch thương mại.

5. Dành một tỷ lệ hạn ngạch (khoảng 5%) thưởng khuyến khích:

- Cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng làm bằng nguyên liệu sản xuất trong nước, mức thưởng tối đa không quá 20% số lượng hạn ngạch cùng loại được giao.

- Cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng theo phương thức F.O.B (mua nguyên liệu, bán sản phẩm), mức thưởng tối đa không quá 10% số lượng hạn ngạch cùng loại được giao.

6. Dành một tỷ lệ hạn ngạch (khoảng 5%, riêng áo T-shirt, polo-shirt (cat. 4) 10%) thưởng cho các doanh nghiệp xuất khẩu nhiều sản phẩm sang thị trường không áp dụng hạn ngạch.

Mức thưởng cho 2 tháng cuối năm 1997 theo Thông tư liên tịch số 8/1997/TTLT-BTM-BCN ngày 17-11-1997 của liên Bộ Thương mại - Công nghiệp.

7. Dành 5% tổng số lượng hạn ngạch áo jacket (cat.21) để hỗ trợ cho các doanh nghiệp ở các địa phương kinh tế khó khăn, công nghiệp kém phát triển như: miền núi, miền trung, các vùng sâu, vùng xa... Mức hỗ trợ căn cứ vào năng lực sản xuất thực tế của từng doanh nghiệp.

II. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HẠN NGẠCH

Các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu vào các thị trường EU, Canada, Naui và Thổ nhĩ kỳ phải đăng ký bằng văn bản gửi về Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu) 21 Ngô Quyền - Hà Nội.

Thời gian đăng ký:

- Hạn ngạch thương mại: Trước ngày 30 tháng 11 năm 1997.

- Hạn ngạch công nghiệp: Trước ngày 10 tháng 5 năm 1998.

III. GIAO QUYỀN SỬ DỤNG HẠN NGẠCH

Việc giao quyền sử dụng hạn ngạch được chia làm 3 đợt:

1. Đợt 1: Thông báo giao hạn ngạch thương mại vào giữa tháng 12 năm 1997 (Hiệp định ký ngày 17 tháng 11 năm 1997). Số lượng hạn ngạch giao đợt đầu: 50% số lượng thực hiện 10 tháng của năm 1997. Các doanh nghiệp thực hiện năm 1997 với số lượng nhỏ như nêu tại điểm 4 mục I, được giao 100%.

Giao một phần hạn ngạch công nghiệp trên cơ sở thực hiện hạn ngạch công nghiệp 10 tháng năm 1997 và yêu cầu của doanh nghiệp.

Tạm giao hạn ngạch thương mại cho các doanh nghiệp mới với số lượng không quá 10.000 sản phẩm jacket hoặc các sản phẩm khác quy đổi ra jacket.

2. Đợt 2: Thông báo vào tháng 2 năm 1998, giao tiếp hạn ngạch thương mại còn lại theo nguyên tắc nêu tại điểm 3 mục I, đồng thời giao khoảng 50% hạn ngạch công nghiệp.

Xét thưởng cho các doanh nghiệp xuất khẩu nhiều sản phẩm vào thị trường không hạn ngạch.

3. Đợt 3: Thông báo vào tháng 5 năm 1998, giao nốt hạn ngạch công nghiệp, xét thưởng theo nguyên tắc nêu tại điểm 5 và xét bổ sung theo điểm 7 mục I. Nếu hạn ngạch công nghiệp không sử dụng hết sẽ chuyển sang hạn ngạch thương mại để phân bổ thêm cho các doanh nghiệp theo các quy định nêu ở mục I.

IV. NHỮNG QUY ĐỊNH THỰC HIỆN

1. Hoàn trả:

Sau khi nhận hạn ngạch, nếu doanh nghiệp không có khả năng thực hiện, phải hoàn trả cho hai Bộ Thương mại và Công nghiệp để bổ sung, điều chỉnh cho doanh nghiệp khác. Nghiêm cấm việc mua bán, chuyển nhượng hạn ngạch.

Doanh nghiệp không sử dụng hết hạn ngạch và không hoàn trả sẽ không được cấp hạn ngạch tương ứng cho năm sau.

2. Lệ phí hạn ngạch:

Các chủng loại hàng loại khỏi danh mục quản lý hạn ngạch, không thu lệ phí. Các chủng loại hàng thu lệ phí theo Phụ lục đính kèm.

Các doanh nghiệp nộp lệ phí cho một Thông báo hạn ngạch hoặc từng lô hàng xuất khẩu. Khi nhận Giấy phép xuất khẩu (E/L) tại Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực, doanh nghiệp phải xuất trình chứng từ nộp lệ phí hạn ngạch cho lô hàng.

Thời hạn nộp lệ phí chậm nhất cho toàn bộ số lượng hạn ngạch được giao là ngày 15 tháng 10 năm 1998. Sau thời hạn trên, nếu doanh nghiệp không nộp lệ phí, ba Bộ sẽ tự động thu hồi hạn ngạch. Các doanh nghiệp được bổ sung hạn ngạch sau ngày 15 tháng 10 phải nộp lệ phí ngay sau khi nhận thông báo.

Tài khoản của Bộ Thương mại để nhận lệ phí là 362.111.370.725 tại Ngân hàng Ngoại thương Trung ương (Vietcombank TW).

Tổ điều hành liên Bộ Thương mại, Kế hoạch và Đầu tư, Công nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện, thông báo tình hình trên Báo Thương mại, Tạp chí Thương mại, Báo Đầu tư và Báo Công nghiệp để các doanh nghiệp nắm bắt kịp thời các thông tin cần thiết.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Thông tư liên Bộ Thương mại - Công nghiệp số 13-TM/CN ngày 19-9-1996.

K.T. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Thứ trưởng

LẠI QUANG THỰC

K.T. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
Thứ trưởng

LÊ HUY CÔN

K.T. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thứ trưởng

NGUYỄN XUÂN QUANG

PHỤ LỤC

(kèm theo Thông tư liên tịch số 10/1997/BTM-BKHĐT-BCN ngày 6-12-1997)

Số thứ tự	Tên chủng loại hàng	Cat.	Mức lệ phí
1	T.shirt, polo-shirt...	4	0,02 USD/ch
2	Áo len, áo nỉ, pullovers, cardigans...	5	0,05 USD/ch
3	Quần âu, quần soóc	6	0,05 USD/ch
4	Áo sơmi nữ...	7	0,05 USD/ch
5	Áo sơmi nam...	8	0,05 USD/ch
6	Khăn bông, áo tắm...	9	20,00 USD/T
7	Găng tay...	10	0,01 USD/Đ.
8	Bít tất...	12	0,01 USD/Đ.
9	Quần lót nhỏ...	13	0,01 USD/ch
10	Áo khoác nam...	14	0,20 USD/ch
11	Áo khoác nữ...	15	0,50 USD/ch
12	Quần áo bằng vải dệt thoi...	18	50,00 USD/T
13	Áo jacket...	21	0,30 USD/ch
14	Váy liền áo...	26	0,05 USD/ch
15	Quần dệt kim...	28	0,02 USD/ch
16	Bộ quần áo nữ...	29	0,10 USD/ch
17	Áo lót nhỏ...	31	0,05 USD/ch
18	Khăn trải giường	20	40,00 USD/T
19	Khăn trải bàn thêu...	39	40,00 USD /T
20	Quần áo trẻ em...	68	50,00 USD/T
21	Bộ quần áo thể thao...	73	0,10 USD/b
22	Quần áo bảo hộ lao động...	76	50,00 USD/T
23	Quần áo các loại...	78	200,00 USD/T
24	Quần áo dệt kim...	83	50,00 USD/T
25	Vải tổng hợp...	35	50,00 USD/T
26	Sợi tổng hợp...	41	50,00 USD/T
27	Lưới các loại...	97	50,00 USD/T
28	Khăn bằng vải lanh...	118	40,00 USD/T
29	Quần áo bằng vải thô, đùi...	161	50,00 USD/T

09666106